

Số: 10/2025/CTIN/BC
No: 10/2025/CTIN/BC

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2025
Hanoi, 29th July 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng đầu năm 2025)
(First 6 months of 2025)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

Tên công ty : Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện
Name of Company : Joint Stock Company for Telecoms and Informatics
Địa chỉ trụ sở chính : 158/2 phố Hồng Mai, Phường Bạch Mai, Hà Nội, Việt Nam
Address of headoffice : 158/2 Hong Mai Street, Bach Mai Ward, Hanoi, Vietnam
Điện thoại : 024.38634597
Telephone : 024.38634597
Fax : 024.38632061
Email : info@ctin.vn
Vốn điều lệ : 321.850.000.000 đồng
Charter capital : 321.850.000.000 VND
Mã chứng khoán : ICT
Stock symbol : ICT
Mô hình quản trị công ty : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
Governance model : General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ : Đã thực hiện.
The implementation of internal audit : Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2025/NQ- ĐHĐCĐ/CTIN	29/04/2025 <i>Apr 29th, 2025</i>	- Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024; - Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; - Thông qua báo cáo kết quả SXKD, tình hình hoạt động của HĐQT năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025; - Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2024; - Thông qua Tỉ lệ chi trả cổ tức năm 2024; - Thông qua việc phân bổ thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024; - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024; - Thông qua kế hoạch SXKD năm 2025; - Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2025; - Thông qua nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025; - Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025; - Thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Thế Thịnh – Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2026; - Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2026. <i>- Approval of 2024 business results;</i> <i>- Approval of the 2024 audited financial statements;</i> <i>- Approval of the 2024 business results report, operation situation of the Board of Directors and the</i>

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			2025 business plan; - Approval of the 2024 operational report of the Board of Supervisors (BOS); - Approval of 2024 dividend payment ratio; - Approval of the allocation of remuneration for the BOD and the BOS in 2024; - Approval of profit distribution plan and fund allocation for 2024; - Approval of the 2025 business plan; - Approval of the allocation of remuneration for the BOD and the BOS in 2025; - Approval of reward and welfare funds allocation principles in 2025; - Approval of selecting audit firm to audit the Company's financial statements in 2025; - Approval of the dismissal of Mr. Nguyen The Thinh - Member of the BOD for the term 2022 - 2026; - Approval of the election result for the additional member's election of the BOD for the term 2022 – 2026.

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025)/ Board of Directors (BOD) (First 6 months of 2025)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors (BOD):

STT No.	Thành viên HĐQT /BOD members	Chức vụ /Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date of becoming/ceasing to be the member of the BOD/ Independent BOD	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1	Ông Hoàng Anh Lộc Mr. Hoang Anh Loc	Chủ tịch HĐQT Chairman of the board (COB)	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022	

STT No.	Thành viên HĐQT /BOD members	Chức vụ /Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date of becoming/ceasing to be the member of the BOD/ Independent BOD</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
			<i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	
2	Ông Hà Thanh Hải <i>Mr. Ha Thanh Hai</i>	Thành viên HĐQT <i>Board members</i>	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022 <i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	
3	Ông Tô Hoài Văn <i>Mr. To Hoai Van</i>	Thành viên HĐQT <i>Board members</i>	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022 <i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	
4	Ông Nguyễn Thế Thịnh <i>Mr. Nguyen The Thinh</i>	Thành viên HĐQT không điều hành <i>Non- executive Board Member</i>	30/06/2022 (Tái bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026) June 30th, 2022 <i>(Re-election of Board members for the 2022 - 2026 term)</i>	29/04/2025 Apr 29th, 2025
5	Ông Lưu Công Nguyên <i>Mr. Luu Cong Nguyen</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Independent Board Member</i>	30/06/2022 June 30th, 2022	
6	Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	29/04/2025	

STT No.	Thành viên HĐQT /BOD members	Chức vụ /Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date of becoming/ceasing to be the member of the BOD/ Independent BOD</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
	Mr. Le Thanh Son	Board members	Apr 29 th , 2025	

2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the BOD:

STT No.	Thành viên HĐQT BOD's members	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>
1	Ông Hoàng Anh Lộc <i>Mr. Hoang Anh Loc</i>	04/04	100%
2	Ông Hà Thanh Hải <i>Mr. Ha Thanh Hai</i>	04/04	100%
3	Ông Tô Hoài Văn <i>Mr. To Hoai Van</i>	04/04	100%
4	Ông Lưu Công Nguyên <i>Mr. Luu Cong Nguyen</i>	04/04	100%
5	Ông Nguyễn Thế Thịnh <i>Mr. Nguyen The Thinh</i>	03/03	100%
6	Ông Lê Thanh Sơn <i>Mr. Le Thanh Son</i>	01/01	100%

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervising the Board of Management by the Board of Directors (BOD):

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát thường xuyên, chỉ đạo Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành Công ty trong điều hành sản xuất kinh doanh, triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT thực hiện đánh giá kết quả điều hành và đưa ra các chỉ đạo kịp thời khắc phục các vấn đề tồn tại, triển khai các công việc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đảm bảo tuân thủ theo các nguyên tắc quản trị, chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp.

The BOD has regularly supervised and directed the Board of Management in business operation, implementing the General Meeting of Shareholders and the BOD's decisions. Through the periodical reporting mechanism of the Board of Management, the BOD regularly evaluates operation results and directs timely to solve matters, implements

General Meeting of Shareholders and the BOD's decisions, ensuring compliance with governance principles, conduct standards and professional ethics.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Activities of the Board of Directors' subcommittees

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Tiểu ban kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT đã thực hiện chương trình kiểm toán dự án đầu tư Công ty đang thực hiện.

In the first 6 months of 2025, the BOD's Internal Audit Subcommittee conducted an audit program of one investment project implemented by the company.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (The first 6 months of 2025):

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution /Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	01/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/02/2025	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với ông Hà Thanh Hải. <i>Dismissing Mr. Ha Thanh Hai from the position of General Director and Legal representative of the Company.</i>	100%
2	02/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/02/2025	Bổ nhiệm ông Lê Thanh Sơn giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty. <i>Appointing Mr. Le Thanh Son to the position of General Director and Legal Representative of the Company.</i>	100%
3	03/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/02/2025	Thông qua việc cấp tín dụng tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội. <i>Approval of credit at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank.</i>	100%
4	04/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/03/2025	Phê duyệt chủ trương liên danh tham gia đấu thầu.	100%

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution /Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
			<i>Approval of the joint venture to participate in the bidding proposal.</i>	
5	05/2025/NQ/HĐ QT-CTIN	07/03/2025	Phê duyệt chủ trương tham gia đấu thầu. <i>Approval of the proposal to participate in the bidding.</i>	100%
6	06/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	14/03/2025	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. <i>Holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
7	07/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	18/04/2025	Bổ sung nội dung về nhân sự Hội đồng quản trị Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. <i>Adding the content on the BOD's personnel to the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
8	08/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	05/05/2025	Phân bổ thù lao cho HĐQT, BKS năm tài chính 2024. <i>Allocating the remuneration for the BOD and BOS for 2024 fiscal year.</i>	100%
9	09/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	13/05/2025	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024. <i>Approval of 2024 dividend payment plan.</i>	100%
10	10/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	30/05/2025	Thông qua giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan. <i>Approval of transactions between the Company and related parties.</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution /Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
11	11/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	06/06/2025	Phê duyệt hạn mức cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm <i>Approval of credit limit at Military Commercial Joint Stock Bank - Hoan Kiem Branch.</i>	100%
12	12/2025/NQ/HĐ QT- CTIN	09/06/2025	Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. <i>Approval of choosing 2025 Financial Statement Auditing Company.</i>	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025)/ *Board of Supervisors (BOS) (The first 6 months of 2025):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Board of Supervisors (BOS):*

STT No.	Thành viên BKS <i>BOS Member</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date of becoming/ ceasing to be the member of the BOS/ Independent BOS</i>		Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
			Ngày bắt đầu <i>Start date</i>	Ngày kết thúc <i>End date</i>	
1	Ông Nguyễn Đình Du <i>Mr. Nguyen Dinh Du</i>	Trưởng ban kiểm soát <i>Chairman of the BOS</i>	30/06/2022 <i>June 30th, 2022</i>		Kỹ sư Công nghệ thực phẩm. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (QTKD). <i>Bachelor of Engineering (Food Technology) Master of Business Administration (MBA).</i>
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu <i>Mr. Nguyen</i>	Thành viên Ban kiểm soát	30/06/2022 (Tái bầu thành viên		Cử nhân vật lý.

STT No.	Thành viên BKS BOS Member	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS The date of becoming/ ceasing to be the member of the BOS/ Independent BOS		Trình độ chuyên môn Qualification
			Ngày bắt đầu Start date	Ngày kết thúc End date	
	Thanh Hieu	BOS member	BKS nhiệm kỳ 2022 – 2026) (Re-election of BOS members for the 2022 - 2026 term)		Cử nhân Kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng. Bachelor of Science in Physics. Bachelor of Economics majoring in finance and banking.
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hà Ms. Nguyen Thi Thuy Ha	Thành viên Ban kiểm soát BOS member	30/06/2022 (Tái bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 – 2026) (Re-election of BOS members for the 2022 - 2026 term)		Cử nhân Tài chính kế toán. Thạc sỹ QTKD. Bachelor of Finance and Accounting. Master of Business Administration (MBA).

2. Cuộc họp của BKS/ Meetings of BOS:

STT No.	Thành viên BKS BOS member	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate
1	Ông Nguyễn Đình Du Mr. Nguyen Dinh Du	01/01	100%	100%
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu Mr. Nguyen Thanh Hieu	01/01	100%	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thúy Hà Ms. Nguyen Thi Thuy Ha	01/01	100%	100%

3. Hoạt động giám sát của BKS với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ Supervising BOD, Board of Management and shareholders by BOS:

- BKS tham gia giám sát việc tổ chức, tham dự và giám sát tư cách đại biểu cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty;
- BKS thường xuyên xem xét, rà soát các báo cáo kinh doanh định kỳ, báo cáo tài chính của Công ty, nắm bắt các tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đưa ra các kiến nghị kịp thời cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc;
- BKS giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT và các quyết định của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo các quy định hiện hành.
- *The BOS participated in supervising the organization, attending and supervising shareholders' qualifications to attend the Company's 2025 annual general meeting of shareholders;*
- *The BOS regularly reviews and examines the Company's periodic business reports and financial statement, grasps of existing issues and difficulties in business activities and gives timely recommendations to the BOD and the Board of Management;*
- *The BOS supervises the implementation of the General Meeting of Shareholders's decisions, the BOS's decisions and the Board of Management's decisions in business activities according to current regulations.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the BOS, the BOD, Board of Management and other managers:

- BKS tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT, được HĐQT gửi các biên bản cuộc họp và các nghị quyết HĐQT;
- BKS được Ban Tổng giám đốc gửi báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm và các báo cáo kinh doanh định kỳ theo quy định chung của Công ty và thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính theo thẩm quyền quy định tại điều lệ Công ty;
- BKS thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát và thông báo kịp thời các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động SXKD cho Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ.
- *The BOS attended all the BOD's meetings and received meeting minutes and BOD's decisions;*
- *The BOD sends the BOS quarterly and annual financial statement and periodic business reports according to the Company's general regulations. The BOS verifies financial statement according to the authority prescribed in the Company's charter;*
- *The BOS informs the BOD and the Board of Management the content of all BOS's meetings and promptly informs the Board of Management any difficulties and issues in business activities during the performance of the BOS's functions and duties.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Other activities of BKS: Không có/None.

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment /Dismissal of member of the Board of Management</i>
1	Ông Hà Thanh Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc Mr. Ha Thanh Hai Position: General Director	22/12/1976 <i>December 22nd, 1976</i>	Tiến sỹ QTKD <i>PhD in Business Administration</i>	Ngày bổ nhiệm: 30/06/2022 (Tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2022 – 2026) <i>Date of appointment: June 30th, 2022 (Re-appointment for 2022 – 2026 term)</i> Ngày miễn nhiệm: 07/02/2025 <i>Date of dismissal: February 7th, 2025</i>
2	Ông Tô Hoài Văn Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Mr. To Hoai Van Position: Deputy General Director	23/05/1964 <i>May 23rd, 1964</i>	Thạc sỹ QTKD <i>Master of Business Administration</i>	Ngày bổ nhiệm: 30/06/2022 (Tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2022 – 2026) <i>Date of appointment: June 30th, 2022 (Re-appointment for 2022 – 2026 term)</i>

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment /Dismissal of member of the Board of Management</i>
3	Ông Lê Thanh Sơn Chức vụ: Tổng Giám đốc Mr. Le Thanh Son <i>Position: General Director</i>	21/09/1972 <i>September 21st, 1972</i>	Cử nhân kinh tế phát triển <i>Bachelor of Development Economics</i>	Ngày bổ nhiệm: 07/02/2025 <i>Date of appointment:</i> <i>February 07th, 2025</i>
4	Ông Lê Ánh Dương Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Mr. Le Anh Duong <i>Position: Deputy General Director</i>	20/01/1978 <i>January 20th, 1978</i>	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông <i>Bachelor of electronics and telecommunications engineering</i>	Ngày bổ nhiệm: 18/09/2024 <i>Date of appointment:</i> <i>September 18th, 2024</i>

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
Ông Nguyễn Ngọc Sơn <i>Mr. Nguyen Ngoc Son</i>	20/04/1972 <i>April 20th, 1972</i>	Cử nhân Tài chính Tín dụng <i>Bachelor of Credit Finance</i>	01/07/2022 (Tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2022 – 2026) July 1st, 2022 (Re-appointment for 2022 - 2026 term)

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo

quy định về quản trị công ty: Không có.

Training courses on corporate governance were involved by members of the BOD, members of the BOS, Director (General Director), other managers and the Company Secretary in accordance with regulations on corporate governance: None.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty (6 tháng đầu năm 2025)/ *The list of affiliated persons of the public company (The first 6 months of 2025) and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm/ *Details in the attached Appendix.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons; or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*: Không có/*None.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transactions between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power*: Không có/*None.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of the Board of Management, the BOS, Directors (General Directors) have been founding members or members of the Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):*

- Các giao dịch này được thực hiện theo đúng quy định của điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp hiện hành.

- Mỗi quan hệ các đối tượng có giao dịch với công ty: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

- *These transactions have been carried out in accordance with the provisions of the Company's charter and current corporate law.*

- *Relationship of entities having transactions with the company: Detailed in the attached Appendix.*

Tên tổ chức <i>Name of organization</i>	Mối quan hệ với Công ty <i>Relationship with the Company</i>
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Cổ đông lớn (31,43%), cổ đông Nhà nước <i>Major shareholder (31.43%), State shareholder</i>
	Đại diện vốn là thành viên HĐQT của Công ty

Tên tổ chức <i>Name of organization</i>	Mối quan hệ với Công ty <i>Relationship with the Company</i>
<i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	<i>The capital representative is a member of the Board of Directors of the Company</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt</i> <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	<i>Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN</i> <i>The company that receives long-term investment from CTIN Company.</i>
	<i>Có cùng thành viên HĐQT</i> <i>Having the same board member</i>
<i>Công ty Cổ phần ITTA</i> <i>ITTA Corporation</i>	<i>Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN</i> <i>The Company that receives long-term investment from CTIN Company</i>
	<i>Có cùng thành viên HĐQT</i> <i>Having the same board member</i>
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội</i> <i>Hanoi Telecommunication Engineering Service Join Stock Company</i>	<i>Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN</i> <i>The Company that receives long-term investment from CTIN Company.</i>
	<i>Có cùng thành viên HĐQT</i> <i>Having the same board member</i>

- Chi tiết các giao dịch: Từ ngày 01/01/2025 - 30/06/2025

Transaction details: From Jan 1st, 2025 – Jun 30th, 2025

Đơn vị tính: đồng/ Unit: VND

Bán hàng/Sell	183.138.170.354
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)</i> <i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	181.647.625.746
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt</i> <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	266.228.600
<i>Công ty Cổ phần ITTA</i> <i>ITTA Corporation</i>	669.490.540
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội</i> <i>Hanoi Telecommunication Engineering Service Join Stock Company</i>	554.825.468
Mua hàng/Purchase	4.207.838.882
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)</i> <i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	3.367.832.161
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt</i> <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	583.255.582
<i>Công ty Cổ phần ITTA</i>	250.866.139

<i>ITTA Corporation</i>	
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông Hà Nội <i>Hanoi Telecommunication Engineering Service Join Stock Company</i>	5.885.000
Cổ tức đã trả/Dividends paid	10.117.108.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) <i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	10.117.108.000
Cổ tức nhận được/Dividends received	2.188.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	2.000.000.000
Công ty Cổ phần ITTA <i>ITTA Joint Stock Company</i>	188.800.000

Giao dịch ký hợp đồng theo nghị quyết số: 10/2025/NQ/HĐQT-CTIN ngày 30/05/2025: Công ty ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt, giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT): 321.923.368.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi một tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Signing Contract transaction according to Decision No. 10/2025/NQ/HĐQT-CTIN dated May 30th, 2025: The company signed purchase and sale of goods contract with Viet Digital Investment Joint Stock Company, the contract value (excluding VAT): VND 321.923.368.000 (In words: Three hundred twenty-one billion, nine hundred twenty-three million, three hundred sixty-eight thousand Vietnamdong).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/ *Transactions between the Company and the companys that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có/None.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/None.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2025)/ *Share transactions of internal persons and affiliated persons (The first 6 months of 2025)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons:* Chi tiết tại Phụ lục đính kèm/ *Details in the attached Appendix.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/

Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:
Không có/*None.*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/*None.*

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;
As above;
- Lưu HĐQT.

Archived: BOD.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD
OF DIRECTORS**



HOÀNG ANH LỘC

PHỤ LỤC: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

APPENDIX: LIST OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm 2025)

(Attached in First 6 months of 2025 Corporate Governance Report)

1. Danh sách Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ List of internal persons and affiliated persons

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
1	Hoàng Anh Lộc Mr. Hoang Anh Loc		Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board		CCCD ID card					4.534.148	14,09%	30/6/2022

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
1.01	Hoàng Anh Thu Ms. Hoang Anh Thu			Chị gái Older sister	CCCD ID card					124.304	0,39%	
1.02	Hoàng Kim Phượng Ms. Hoang Kim Phuong			Chị gái Older sister	CCCD ID card					217.536	0,68%	
1.03	Đặng Anh Dũng			Anh rể Brother in law	CCCD ID card					1.266.532	3,94%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Dang Anh Dung											
1.04	Nguyễn Thị Thùy Trang Ms. Nguyen Thi Thuy Trang			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	
1.05	Hoàng Huệ Thy			Con gái Daughter	CCCD ID card						0.00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Hoang Hue Thy											
1.06	Hoàng Huệ Nhu Ms. Hoang Hue Nhu			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
1.07	Hoàng Anh Minh Mr. Hoang Anh Minh			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	
1.08	Hoàng Lệ Chi Ms. Hoang Le Chi			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	
1.09	Nguyễn Hùng Sơn			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Nguyen Hung Son											
1.10	Hoàng Anh Tuyên Mr. Hoang Anh Tuyen			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	
1.11	Ngô Vi Hồng Mr. Ngo Vi Hong			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
1.12	Hoàng Phương Mai Ms. Hoang Phuong Mai			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	
2	Hà Thanh Hải Mr. Ha Thanh Hai		Thành viên HĐQT Member of BOD		CCCD ID card					3.154.306	9,8%	30/6/2022
2.01	Lê Thị Lan Hương			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Le Thi Lan Huong											
2.02	Hà Văn Định Mr. Ha Van Dinh			Cha đẻ Father	CCCD ID card						0,00%	
2.03	Lê Thị Mình			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Le Thi Minh											
2.04	Hà Minh Đức Mr. Ha Minh Duc			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
2.05	Hà Lê Hải My Miss. Ha Le Hai My			Con gái Daughter							0,00%	
2.06	Hà Lê Hải An Miss. Ha Le Hai An			Con gái Daughter							0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
2.07	Hà Nam Ninh Mr. Ha Nam Ninh			Em ruột Younger brother	CCCD ID card						0,00%	
2.08	Hà Thị Lan Phuong Ms. Ha Thi Lan Phuong			Em dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
2.09	Hà Nam Giang Mr. Ha Nam Giang			Em ruột Younger brother	CCCD ID card						0,00%	
2.10	Phạm Thị Xuân Lộc Ms. Pham Thi Xuan Loc			Em dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
3	Lưu Công Nguyên		Thành viên HĐQT		CCCD ID card						0,00%	30/6/2022

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Luu Cong Nguyen		BOD Member									
3.01	Vũ Thị Thư Ms. Vu Thi Thu			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%	
3.02	Nguyễn Thanh Tâm			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Nguyen Thanh Tam											
3.03	Luu Gia Linh Ms. Luu Gia Linh			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%	



STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
3.04	Lưu Gia Khánh Mr. Luu Gia Khanh			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	
3.05	Lưu Thành Công Mr. Luu Thanh Cong			Con trai Son							0,00%	



STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
3.06	Lưu Thị Yên Ms. Luu Thi Yen			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	
3.07	Lưu Sỹ Quý Mr. Luu Sy Quy			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	
3.08	Lưu Thanh Hòa			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Luu Thanh Hoa											
3.09	Lưu Đức Nhuận Mr. Luu Duc Nhuan			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	
3.10	Lưu Thị Thìn Ms. Luu Thi Thin			Em gái Younger sister	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
3.11	Phạm Ngọc Thuân Mr. Pham Ngoc Thuan			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	
3.12	Hoàng Phương Thảo Ms. Hoang Phuong Thao			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
3.13	Bùi Thị Hương Giang			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Bui Thi Huong Giang											
3.14	Hoàng Thị Việt Phuong Ms. Hoang Thi Viet Phuong			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
4	Tô Hoài Văn Mr. To Hoai Van		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		CCCD ID card					534.239	1,66%	30/6/2022

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
			Member of BOD and Deputy General Director									
4.01	Tô Linh Lan Ms. To Linh Lan			Em gái Younger sister	CCCD ID card					43.552	0,14%	
4.02	Tô Hạnh Trinh Ms. To Hanh Trinh			Chị gái Older sister	CCCD ID card					43.160	0,13%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
4.03	Đinh Thị Vân Anh Ms. Dinh Thi Van Anh			Vợ Wife	CCCD ID card					19.506	0,06%	
4.04	Tô Hoài Lam Mr. To Hoai Lam			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
4.05	Tô Nhật Duy Mr. To Nhat Duy			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	
4.06	Raymon d Laurenc e Mallon			Anh rể (quốc tịch Úc) Brother -in- law (Australian nationality)	Hộ chiếu Passport						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
4.07	Nguyễn Trương Chính Mr. Nguyen Truong Chinh			Em rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	
5	Nguyễn Thế Thịnh Mr. Nguyen The Thinh		Thành viên HĐQT BOD member		CCCD ID card					282.232	0,88%	Thời điểm kết thúc là người có liên quan: 29/04/202 5 End date for affiliated person: 29 th April, 2025
5.01	Lê Lưu Ngân Ms. Le Luu Ngan			Vợ Wife	CCCD ID card					285.000	0,89%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
5.02	Nguyễn Thị Sơn Ms. Nguyen Thi Son			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%	
5.03	Nguyễn Thị Minh Nguyễn Ms. Nguyen Thi Minh Nguyet			Chị ruột Older sister	CCCD ID card						0,00%	
5.04	Lê Ánh Quang			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Le Anh Quang											
5.05	Nguyễn Thị Tiên Mai Ms. Nguyen Thi Tien Mai			Em gái Younger sister	Hộ chiếu Passport						0,00%	
5.06	Hà Văn Chương Mr. Ha Van Chuong			Em rể Brother in law	Hộ chiếu Passport						0,00%	
5.07	Nguyễn Thế Long Mr. Nguyen			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	The Long											
5.08	Nguyễn Thị Phương Lan Ms. Nguyen Thi Phuong Lan			Em dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
5.09	Nguyễn Hiền Thào Ms. Nguyen Hien Thao			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%	
5.10	Nguyễn Thế Thành			Con trai Son							0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Nguyen The Thanh											
6	Nguyễn Đình Du Mr. Nguyen Dinh Du		Trưởng ban kiểm soát Head of Control Board		CCCD ID card					-	0,00%	30/6/2022
6.01	Nguyễn Bích Thủy			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Nguyen Bich Thuy											
6.02	Nguyễn Đình Thuân Mr. Nguyen Dinh Thuan			Cha đẻ Father	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
6.03	Đỗ Thị Minh Ms. Do Thi Minh			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%	
6.04	Nguyễn Đình Thảo Mr. Nguyen			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Dinh Thao											
6.05	Nguyễn Đình Hiếu Mr. Nguyen Dinh Hieu			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
6.06	Nguyễn Đình Phuong Mr. Nguyen Dinh Phuong			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0,00%	
6.07	Nguyễn Thị Thúy Hà Ms. Nguyen Thi Thuy Ha			Em dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
7	Nguyễn Thành Hiếu Mr. Nguyen Thanh Hieu		Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc vận hành kinh doanh BOS member and Business Operation s Director		CCCD ID card					406.542	1,26%	30/6/2022
7.01	Thái Thị Hương Lan			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Thai Thi Huong Lan											
7.02	Nguyễn Phuong Thảo Ms. Nguyen Phuong Thao			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
7.03	Nguyễn Thào My Nguyen Thao My			Con gái Daughter	CCCD ID card							
7.04	Nguyễn Tùng Lâm			Con trai Son	CCCD ID card							

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Nguyen Tung Lam											
7.05	Nguyễn Thành Tâm Mr. Nguyen Thanh Tam			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	
7.06	Nguyễn Thị Minh Ms. Nguyen			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Thi Minh											
7.07	Nguyễn Thành Chung Mr. Nguyen Thanh Chung			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	
7.08	Lương Thị Đào Ms. Luong Thi Dao			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
7.09	Nguyễn Thị Nghĩa			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Nguyen Thi Nghia											
7.10	Lê Văn Vu Mr. Le Van Vu			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	
7.11	Nguyễn Thị Tinh Ms. Nguyen Thi Tinh			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	
7.12	Trương Ngọc Hiếu Mr. Truong			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ngoc Hieu											
8	Nguyễn Thị Thúy Hà Ms. Nguyen Thi Thuy Ha		Thành viên Ban kiểm soát BOS member		CCCD ID card						0,00%	
8.01	Nguyễn Biên Thùy			Bố đẻ Father	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Nguyen Bien Thuy											
8.02	Nguyễn Thị Yên Ms. Nguyen Thi Yen			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%	
8.03	Nguyễn Đình Tuyền Mr. Nguyen Dinh Tuyen			Chồng Husband	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
8.04	Nguyễn Đình Đức Mr. Nguyen Dinh Duc			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	
8.05	Nguyễn Đình Huy Mr. Nguyen			Con trai Son	CCCD ID card						0.00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Dinh Huy											
8.06	Nguyễn Hoàng Sâm Mr. Nguyen Hoang Sam			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0,00%	
9	Nguyễn Ngọc Sơn Mr. Nguyen Ngoc Son		Kế toán trưởng Chief Accountant		CCCD ID card					124.090	0,39%	30/6/2022

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
9.01	An Thị Loan Ms. An Thi Loan			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%	
9.02	Trần Thị Minh Nguyệt Ms. Tran Thi			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Minh Nguyet											
9.03	Nguyễn Ngọc Lâm Mr. Nguyen Ngoc Lam			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	
9.04	Nguyễn Ngọc Minh			Con trai Son	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Nguyen Ngoc Minh											
9.05	Nguyễn Thị Thanh Thùy Ms. Nguyen Thi Thanh Thuy			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	
9.06	Nguyễn Thị Phuong Ms. Nguyen			Em gái Younger sister	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Thi Phuong											
9.07	Phạm Đình Huyền Mr. Pham Dinh Huyen			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	
9.08	Vũ Văn Trưởng Mr. Vu Van Truong			Em rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	
10	Lê Thanh Sơn Mr. Le Thanh Son		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		CCCD ID card					3.476.808	10,8%	30/6/2022

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
			Member of BOD and General Director									
10.01	Lê Đăng Mr. Le Dang			Bố đẻ Father	CCCD ID card						0,00%	
10.02	Nguyễn Thị Hà Ms. Nguyen Thi Ha			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
10.03	Lê Thục Yên Ms. Le Thuc Yen			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%	
10.04	Lê Nam Phuong Ms. Le Nam Phuong			Con gái Daughter							0,00%	
10.05	Lê Thanh Thái			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Le Thanh Thai											
10.06	Lê Thị Minh Lan Ms. Le Thi Minh Lan			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	
10.07	Lê Thị Đào Ms. Le Thi Dao			Chị gái Older sister	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
10.08	Lê Thanh Hải Mr. Le Thanh Hai			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	
10.09	Nguyễn Thị Thùy Ms. Nguyen Thi Thuy			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
10.10	Bùi Xuân Ký Mr. Bui Xuan Ky			Anh rể Brother in law	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
10.11	Trần Thị Lan Anh Ms. Tran Thi Lan Anh			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
11	Lê Ánh Dương Mr. Le Anh Duong		Phó Tổng Giám đốc Công ty Deputy General Director of the Company		CCCD ID card					43.302	0,13%	18/09/2024 Sep 18 th , 2024

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
11.01	Lê Tiến Ba Mr. Le Tien Ba			Bố đẻ Father	CCCD ID card						0,00%	
11.02	Mai Thị Thu Thủy			Vợ Wife	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Ms. Mai Thi Thu Thuy											
11.04	Lê Khánh Chi Ms. Le Khanh Chi			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
11.05	Lê Khánh Ngọc Ms. Le Khanh Ngoc			Con gái Daughter	CCCD ID card						0,00%	
11.06	Lê Quang Hưng			Anh ruột Older brother	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
	Mr. Le Quang Hung											
11.07	Nguyễn Thị Hải Yên Ms. Nguyen Thi Hai Yen			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
12	Lê Thị Thu Thanh Ms. Le Thi Thu Thanh		Quản trị Công ty, kiêm Thư ký Công ty Corporate Administra- tor and Corporate Secretary		CCCD ID card					2.000	0,006%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
12.01	Lê Viết Nở Mr. Le Viet No			Bố đẻ Father	CCCD ID card						0,00%	
12.02	Nguyễn Ngọc Hoa Ms. Nguyen Ngoc Hoa			Mẹ đẻ Mother	CCCD ID card						0,00%	
12.03	Nguyễn Duy Anh Nguyen Duy Anh			Con trai Son							0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
12.04	Nguyễn Đức Anh Nguyen Duc Anh			Con trai Son							0,00%	
12.05	Lê Thanh Thảo Mr. Le Thanh Thao			Anh trai Older brother	CCCD ID card						0,00%	

STT No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position in the company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with company/ internal persons of the Company	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport /Giấy ĐKKD) Type of Certificate (*) (ID card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No. Certificate Number (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head office address/ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ End of period share ownership ratio	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/ Starting point to be affiliated person of the company/ Internal person
12.06	Vũ Thị Ánh Tuyết Ms. Vu Thi Anh Tuyet			Chị dâu Sister in law	CCCD ID card						0,00%	
12.07	Lê Hồ Tùng Mr. Le Ho Tung			Em trai Younger brother	CCCD ID card						0,00%	

2. Danh sách các tổ chức có liên quan/ *List of related organizations*

STT No.	Tên tổ chức <i>Organization name</i>	Số giấy đăng ký kinh doanh, ngày cấp <i>Business registration number, date of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Head office address/Contact address</i>	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) <i>Number of shares/certificates held, ownership ratio on charter capital of public company, public fund (if any)</i>	Mối quan hệ với Công ty <i>Relationship with the Company</i>
1.	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) <i>Vietnam Posts and Telecommunications Group (VNPT)</i>	0100684378; 20/03/2017; Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội <i>Hanoi Department of Planning and Investment</i>	57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, Hà Nội <i>57 Huynh Thuc Khang, Dong Da District, Hanoi</i>	10,117,108 CP; chiếm 31.43% <i>10,117,108 shares; accounting for 31.43%</i>	Cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước Đại diện vốn là thành viên HĐQT của Công ty (Ông Hoàng Anh Lộc, Ông Hà Thanh Hải, Ông Lê Thanh Sơn) <i>Major shareholders, State shareholders Representatives are members of the Company's Board of Directors (Mr. Hoang Anh Loc, Mr. Ha Thanh Hai, Mr. Le Thanh Son)</i>
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt <i>Viet Digital Investment Joint Stock Company</i>	0105570286; 24/05/2019; Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội <i>Hanoi Department of Planning and Investment</i>	Tầng 21, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Hà Nội <i>21st Floor, ICON4 Building, 243A De La Thanh, Hanoi</i>	0 CP; 0%	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN Có cùng thành viên HĐQT (Ông Hoàng Anh Lộc, Ông Lưu Công Nguyên) <i>The company that receives long-term investment from CTIN Company. Same Board of Directors members (Mr. Hoang Anh Loc, Mr. Luu Cong Nguyen)</i>

STT No.	Tên tổ chức Organization name	Số giấy đăng ký kinh doanh, ngày cấp Business registration number, date of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) Number of shares/certificates held, ownership ratio on charter capital of public company, public fund (if any)	Mối quan hệ với Công ty Relationship with the Company
3.	Công ty Cổ phần ITTA ITTA Corporation	0305246488; 29/06/2016; Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	Số 24 Đường số 6, Khu dân cư Bình Đăng, Phường 6, Quận 8, TP Hồ Chí Minh No. 24, Street No. 6, Binh Dang Residential Area, Ward 6, District 8, Ho Chi Minh City	0 CP; 0%	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN Có cùng thành viên HĐQT (Ông Hoàng Anh Lộc) The company that receives long-term investment from CTIN Company. Same member of Board of Directors (Mr. Hoang Anh Loc)
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội Hanoi Telecommunication Engineering Service Join Stock Company	0102374420; 22/05/2019; Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội Hanoi Department of Planning and Investment	Tầng 4 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Hai Bà Trung, Hà Nội 4th Floor, Capital Building, 58 Kim Ma, Kim Ma Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi	0 CP; 0%	Là công ty nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty CTIN Có cùng thành viên HĐQT (Ông Nguyễn Thế Thịnh, Ông Tô Hoài Văn) The company that receives long-term investment from CTIN Company. Same Board of Directors members (Mr. Nguyen The Thinh, Mr. To Hoai Van)
5.	Công ty Cổ phần KASACO KASACO Joint Stock Company	0305339252; 27/11/2007; Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	270A Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP Hồ Chí Minh	0 CP; 0%	Có cùng thành viên HĐQT (Ông Tô Hoài Văn) Same member of Board of Directors (Mr. To Hoai Van)

STT No.	Tên tổ chức Organization name	Số giấy đăng ký kinh doanh, ngày cấp Business registration number, date of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Head office address/Contact address	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có) Number of shares/certificates held, ownership ratio on charter capital of public company, public fund (if any)	Mối quan hệ với Công ty Relationship with the Company
		Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	270A Ly Thuong Kiet, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City		
6.	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện Post and Telecommunication Construction Material Joint Stock Company	0100687185, 19/01/2006, Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội Hanoi Department of Planning and Investment	Số 64 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Hà Nội 64 Cau Dien Street, Phuc Dien Ward, Hanoi	0 CP; 0%	Có cùng thành viên HĐQT (Ông Hà Thanh Hải) Same member of Board of Directors (Mr. Ha Thanh Hai)
7.	Công ty cổ phần KASATI KASATI Joint Stock Company	0302826473; 01/06/2016; Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	270A Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, TP Hồ Chí Minh 270A Ly Thuong Kiet, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City	0 CP; 0%	Có cùng thành viên HĐQT (Ông Tô Hoài Văn) đến ngày 24/4/2025 Same member of Board of Directors (Mr. To Hoai Van) until April 24 th , 2025